

Bản số: 31/2022/HS-ST

Ngày: 16 - 6 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Học và bà Nguyễn Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thùy- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 5 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Tạ Xuân D, sinh năm 2002 tại xã T, huyện Ph, thành phố Hà Nội; HKTT: Thôn K, xã Th, huyện Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Hữu T và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2021 đến nay. “có mặt”

2. Phí Văn C, sinh năm 2000 tại xã N, huyện Ph, thành phố Hà Nội; HKTT: Thôn 2, xã Ng, huyện Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phí Văn K và bà Phí Thị H; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2021 đến nay. “có mặt”

3. Đặng Quốc Đ, sinh ngày 16/9/2003 tại xã T, huyện Ph, thành phố Hà Nội; HKTT: Thôn T, xã T, huyện Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Kh và bà Trịnh Thị O; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/9/2021 đến ngày 30/9/2021 tại ngoại. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 7 Hà Nội. “có mặt”

4. Dương Văn V, sinh năm 1992 tại xã N, huyện Ph, thành phố Hà Nội; HKTT: Thôn 3, xã N, huyện Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Ch và bà Nguyễn Thị L1; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. “có mặt”

5. Lưu Đình Ch1, sinh năm 1985 tại xã T, huyện Ph, thành phố Hà Nội; HKTT: Thôn P, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Đình Nh và bà Nguyễn Thị Đ1; có vợ và 05 con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. “có mặt”

6. Hoàng Thế T1, sinh năm 1989 tại xã H, huyện Ph, thành phố Hà Nội; HKTT: Thôn H, xã H, huyện Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Thế T2 và bà Đỗ Thị O1; có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. “có mặt”

7. Dương Thế H1, sinh năm 1996 tại xã N, huyện Ph, thành phố Hà Nội; HKTT: Thôn 2, xã N, huyện Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn H2 và bà Phí Thị H3; chưa có vợ, con; Tiền án: Bản án số 334/2015/HSST ngày 15/9/2015, Tòa án nhân thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội Cướp tài sản (tháng 11/2020 chấp hành xong hình phạt tù), tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. “có mặt”

8. Phí Văn Nh1, sinh năm 1985 tại xã N, huyện Ph, thành phố Hà Nội; HKTT: Thôn 2, xã N, huyện Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phí Văn D1 và bà Dương Thị Nh2; có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. “có mặt”

9. Đỗ Đình Q, sinh năm 2000 tại xã Ng, huyện Ph, thành phố Hà Nội; HKTT: Thôn 4, xã Ng, huyện Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đình D2 và bà Dương Thị N; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. “có mặt”

Bị hại:

1. Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1976. “vắng mặt”

Địa chỉ: Số nhà 1 đường H, thôn 2, xã Tr, huyện Đ, thành phố Hà Nội

2. Anh Đỗ Văn H4, sinh năm 1980. “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Ph

3. Anh Vũ Mạnh D3, sinh Năm 1992. “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện Ph

4. Ông Lê văn Th1, sinh năm 1962. “vắng mặt”

Địa chỉ: Cụm 9, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội

5. Bà Hà Thị Th2, sinh năm 1966. “vắng mặt”

Địa chỉ: Cụm 6, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội

6. Anh Đoàn Văn T3, sinh năm 1973. “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện Ph

7. Anh Nguyễn Quang B, sinh năm 1986. “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện Ph

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trịnh Duy L2, sinh năm 1988. “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Ph

2. Anh Đỗ Đức Th3, sinh năm 1971. “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện Ph

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 21/9/2021, tổ C tác Công an huyện Ph và Công an xã T tuần tra, phát hiện có 3 đối tượng dắt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH150i màu đen, biển số: 30N1- 6461 từ trong lán nhà tạm ở khu vực cánh đồng thuộc thôn K, xã T của gia đình anh Đỗ Văn H5 ra bên ngoài. Phát hiện thấy Công an, cả ba đối tượng đều bỏ chạy và để lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH150i màu đen, biển số: 30N1- 6461 trên tại đường đi từ trong nhà tạm ra đường liên thôn.

Công an xã T xác định được một trong ba đối tượng là Tạ Xuân D nên đã tiến hành triệu tập đối tượng D.

Tại cơ quan điều tra, D khai nhận: Rạng sáng ngày 21/9/2021, D cùng Phí Văn C và Đỗ Đình Q di chuyển chiếc xe máy tại lán trại ngoài cánh đồng thuộc thôn K, xã T về nhà bà ngoại C (thôn 2, xã N, huyện Ph) để cất giấu là chiếc xe mà D và C đã trộm cắp được vào rạng sáng ngày 19/9/2021 tại xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, Tạ Xuân D còn khai nhận, trước đó đã cùng Phí Văn C và Đặng Quốc Đ thực hiện nhiều vụ Trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện Ph và huyện Đ rồi mang đi tiêu thụ. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào chiều ngày 28/06/2021, Tạ Xuân D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã rủ Phí Văn C đi tìm các cửa hàng điện thoại di động để trộm cắp tài sản. C đồng ý và sang nhà Đỗ Đình Q là bạn bè xã hội để mượn xe máy

Honda Wave RSX, trắng đen, không nhớ biển số. Qua nửa đêm, sang ngày 29/06/2021, C chở D bằng xe máy mượn của anh Q đến trang trại của gia đình D ở cánh đồng xã T để D lấy kìm cộng lực. Sau đó cả hai đến thôn P, xã L, thấy cửa hàng bán điện thoại di động Hoàng Hà mobile 2 ở sát mặt đường không có người trông, xung quanh không có ai. C dừng xe ven đường sát cửa hàng cảnh giới. D xuống xe dùng kìm cộng lực cắt đứt tai của hai ổ khoá cửa, vào trong cửa hàng, lục tủ kính lấy trộm 01 chiếc máy tính bảng Apple Ipad 2 màu trắng bạc 32 GB đã cũ; 01 điện thoại di động Realme C11 nguyên hộp; 01 điện thoại di động Vsmart star 4 nguyên hộp. C chở D về nhà bà ngoại C ở thôn 2, xã N, huyện Ph (cả nhà bà ngoại C đi làm ăn xa từ nhiều năm nên C thỉnh thoảng đến ở trông nhà). D đưa tất cả tài sản trộm cắp được cho C. C giữ lại chiếc Apple Ipad 2 để sử dụng. C tặng cho mẹ đẻ là bà Phí Thị H chiếc điện thoại di động Realme C11 nói dối là mới mua. Chiếc điện thoại di động Vsmart star 4 C bán cho anh Bùi Văn Th4 với giá 1.000.000đồng nói dối là điện thoại của C. Số tiền 1.000.000đồng này C và D cùng ăn tiêu hết. Anh Th4 sử dụng điện thoại được khoảng một tháng thì bị hỏng nên đã bán cho đồng nát.

Ngày 26/10/2021, Hội đồng định giá thường xuyên huyện Ph kết luận: 01 (một) máy tính bảng Apple Ipad 2, màu trắng bạc, loại 32GB, đã cũ tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động Realme C11, mới, nguyên hộp tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 2.533.000đ (hai triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động Vsmart Star 4, mới, nguyên hộp tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 2.467.000đ (hai triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 6.500.000đ (*sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

Vụ thứ hai: Vào tối ngày 09/09/2021, D rủ C đi trộm cắp tài sản. C đồng ý và mượn xe máy Honda Wave, xanh, không nhớ biển số của chị dâu là Dương Thị Hương L3. Qua nửa đêm, sang ngày 10/9/2021, C sử dụng xe máy trên chở D đến trang trại của nhà D ở xã T. D vào lán lấy 1 chiếc kìm cộng lực và 1 chiếc tua vít để trong bao tải ôm ngồi sau. Khi đi đến nhà anh Đoàn Văn T3 ở thôn B, xã V, huyện Ph, phát hiện 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen bạc dựng ở sân, người nhà đã đi ngủ, xung quanh không có ai. C dừng xe ở ngoài đường trước cổng cảnh giới còn D xuống xe dựng bao tải chứa kìm và tua vít sát cổng và trèo tường vào trong sân, thấy xe máy không khóa cổ, khóa càng, còn cổng chỉ cài then, không khóa nên D mở cổng dắt xe máy ra ngoài rồi C đi xe Wave xanh đạp chân đẩy D lái xe máy vừa trộm cắp được về nhà bà ngoại C cất giấu. Hôm sau, D mua ổ khóa điện mới thay ổ khóa xe máy trộm cắp được và sử dụng làm phương tiện đi lại.

Đến trưa ngày 14/09/2021, C biết Dương Thế H1 là bạn bè xã hội cùng làng đang có nhu cầu mua xe máy cũ nên gọi điện thoại cho H1. H1 hẹn ra đê P, xã T, huyện Ph để xem xe. C và D tháo biển kiểm soát 29V3-40514 vít tại nhà bà ngoại C rồi đem xe Honda Wave trắng trộm cắp được lên đê P cho H1 xem xe. H1 xem xe thấy không có biển số, không có giấy đăng ký xe, biết xe máy này là xe vi phạm pháp luật, có thể là xe máy trộm cắp mà có nên H1 không mua. C nói không mua thì cho C cầm lấy 4.000.000đồng thì H1 lại đồng ý, nhưng do không có tiền mặt nên H1 bảo chuyển khoản. C cho H1 số tài khoản ngân hàng BIDV, STK: 43110001257439, chủ tài khoản Lê Thị H6 (là vợ chưa

cưới của C) rồi cùng D đi về. Sau khi nhận cầm xe máy, H1 nhờ anh Dương Xuân Th5 chuyển khoản số tiền 4.000.000đ đến số tài khoản của chị H6 mà C vừa cho. C và D đã cùng ăn tiêu hết số tiền 4.000.000đ trên. H1 mang xe máy Honda Wave trắng về nhà cất, do nhận thức xe máy này là xe vi phạm pháp luật nên H1 chỉ để ở nhà mà không sử dụng.

Ngày 28/09/2021, Hội đồng định giá thường xuyên huyện Ph kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 29V3-40514, số khung 682893, số máy 0661332 tại thời điểm mất trộm là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Vụ thứ ba: Vào tối ngày 11/09/2021, D đi xe máy Honda Wave trắng (trộm cắp được trong vụ thứ hai) rủ C đi trộm cắp. Qua nửa đêm, sang ngày 12/09/2021, C điều khiển chiếc xe máy Honda Wave trắng trên chở D qua trang trại nhà D. D vào lấy chiếc kìm cộng lực để vào bao tải, còn tua vít đã để trong cốp xe Wave trắng. Khi đi trên đê xã H, huyện Đ nhìn thấy nhà bà Hà Thị Th2 để chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu dựng ở sân. C dừng xe đứng trên đê cảnh giới, còn D cầm theo kìm cộng lực và tua vít đi lại gần cổng, trèo tường bao vào trong sân, thấy xe máy khóa điện nên D dùng tua vít tháo bỏ bao diêm điện xe máy rồi dùng kìm cộng lực cắt khóa cổng, dắt xe máy ra ngoài, đạp nổ máy phóng lên chỗ C, gọi chạy theo sau về nhà bà ngoại của C cất giấu. Đến sáng, D đi mua ổ khoá mới về thay ổ khoá xe Dream trộm cắp được.

Tối ngày 12/09/2021, C đi xe máy Honda Dream này đến nhà Dương Văn V để vay tiền nhưng V không cho vay. C hỏi V xem có ai mua thì bán chiếc xe Dream trên. V đồng ý rồi gọi điện cho Hoàng Thế T1. Do trước đây T1 và V làm cùng xưởng mộc của Lưu Đình Ch1 nên quen biết nhau và thông qua Ch1, V biết T1 đang có nhu cầu mua xe máy cũ. T1 bảo mang xe ra xưởng mộc để T1 xem. V báo lại với C. C điện cho Đỗ Đình Q (bạn C) bảo đi cùng C để sau khi bán xe máy xong thì chở C về. Q đi xe Honda Wave xanh ra chỗ C. Tại đây, C tháo bỏ biển số 29X3-31233 của xe Dream cho vào cốp xe Wave xanh rồi cùng V, Q đi ra xưởng của T1. T1 xem xe rồi gọi điện cho Lưu Đình Ch1 ra xem xe hộ. Khi xem xe máy thấy không biển số, không giấy tờ nên Ch1 nhận thức chiếc xe máy trên là xe bất hợp pháp và kết luận xe máy xấu và yếu quá. T1 trả giá mua 3.000.000đồng. C đòi giá bán 4.000.000đ. Do không thoả thuận được giá nên việc mua bán không thành C.

Trên đường đi về, C nói cầm xe máy Honda Dream trên cho V. V nhận thức được xe máy này là xe vi phạm pháp luật nên V không mua. Sáng ngày 13/9/2021, C tiếp tục nài nỉ V cho vay tiền. V không cho vay. C nói bán cho V xe máy Dream trên thì V lại đồng ý. V hẹn đến trưa gặp nhau ở đê P, xã T. Buổi trưa tại đê P, C bán chiếc xe máy Dream trên cho V với giá 3.700.000đ. Vũ đồng ý mua và bảo chuyển khoản. C cho số tài khoản ngân hàng MB, STK: 8330115490008, chủ tài khoản là Dương Quang Th6 (*cửa hàng bán điện thoại di động và kinh doanh dịch vụ chuyển tiền*). Sau khi mua xe máy Honda Dream trên, V nhờ anh Nguyễn Văn T4 chuyển khoản 3.700.000đồng đến số tài khoản C cho. C và D đến cửa hàng của anh Th6 rút số tiền 3.700.000đồng và cùng ăn tiêu hết. V nhận thức xe máy Honda Dream trên là xe vi phạm pháp luật nên mang về nhà và cất ở chuồng lợn, không nói với ai, không sử dụng đi lại.

Ngày 26/10/2021, Hội đồng định giá thường xuyên huyện Ph kết luận: 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát 29X3-312.33, số khung RLHHA0800AY084957, số máy: HA08E1384984, đăng ký lần đầu vào năm 2011 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng);

Vụ thứ tư: Vào tối ngày 13/09/2021 D đi xe máy Honda Wave trắng (trộm cắp ở vụ thứ hai) rủ C đi trộm cắp. Chờ qua nửa đêm, sang ngày 14/9/2021, C điều khiển chiếc xe máy Honda Wave trắng trên chõ D qua trang trại nhà D lấy chiếc kim cộng lực để vào bao tải, còn tua vít đã để ở trong cốp xe Wave trắng. Khi đi đến xã T, huyện Đ, phát hiện nhà ông Lê Văn Th1 để chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng dựng ở sân. C dùng xe đứng sát cổng cánh giới, còn D để bao tải trên yên xe rồi đi lại gần cổng, thấy cổng cài then nhưng không khóa. D mở cổng đi vào thấy xe không khóa cổ, khóa càng nên dắt ra ngoài cổng. C đi xe, đạp chân đẩy D lái chiếc xe máy vừa trộm cắp được ra ngoài cánh đồng. D lấy tua vít tháo bao diêm đầu lại dây điện và tháo vít bỏ biển số rồi nổ máy phóng về nhà bà ngoại C cất giấu. Đến sáng, D đi mua ổ khoá mới thay ổ khoá xe Honda Wave vừa trộm cắp được, lắp biển số 29X3-31233 của xe Dream (trộm ở vụ thứ ba) vào và sử dụng. Đến trưa ngày 18/9/2021, C nhờ anh Trịnh Duy L2 (*là bạn*) cầm hộ chiếc xe máy này (*C nói dối chiếc xe máy trên là của C, giấy tờ xe máy bố C cầm*). Anh L2 đồng ý và đến cầm cho anh Đỗ Văn Th7 với số tiền 4.500.000đ. L2 đưa lại cho C 4.500.000đ, L2 không được ăn chia, hưởng lợi gì, không biết việc trộm cắp tài sản của C. C chia cho D 400.000đ, số tiền còn lại, C và D cùng ăn tiêu hết.

Ngày 28/09/2021, Hội đồng định giá thường xuyên huyện Ph kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, biển kiểm soát 28H1-312.30, số khung 134242, số máy 0134295 tại thời điểm mất trộm là 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*).

Vụ thứ năm: Vào tối ngày 14/9/2021, D đi xe máy Honda Wave trắng (trộm cắp được ở vụ thứ tư) rủ C đi trộm cắp. Chờ qua nửa đêm, sang ngày 15/09/2021, C điều khiển chiếc xe máy Honda Wave trắng trên chõ D qua lán nhà D lấy chiếc kim cộng lực để vào bao tải, còn tua vít vẫn để ở trong cốp xe Wave trắng. Khi đi đến xã L, huyện Ph phát hiện nhà anh Vũ Mạnh D3 có chiếc xe máy Honda SH 125i màu trắng đen và chiếc xe Honda Dream dựng ở sân. C dùng xe ở ngoài cổng cánh giới, còn D trèo tường, nhảy vào sân. C đưa kim cộng lực qua khe rào cho D. D thấy xe SH không khóa cổ, khóa càng còn xe Dream vẫn cầm chìa khóa ở ổ khoá xe. D thấy cổng khóa nên dùng kim cộng lực cắt phá khóa mở cổng rồi đưa lại kim cộng lực cho C. D dắt chiếc xe Dream ra ngoài, nổ máy đi ra cánh đồng gần đó giấu. C chờ D quay lại nhà anh D. D vào dắt xe SH trắng ra cổng rồi C đạp chân đẩy D lái chiếc xe SH đến khu bãi đất trống gần Nghĩa trang xã T cất giấu rồi C chở D ra chỗ giấu xe Dream. D lái xe Dream đi về nhà bà ngoại C cất giấu, trên đường đi, D tháo biển số xe Dream vứt bỏ. Sau đó, C chở D ra nghĩa trang xã T, D cất kim cộng lực rồi ngồi lên xe máy SH, C đẩy xe đưa xe máy SH này về nhà bà ngoại C cất giấu.

Chiều ngày 16/9/2021, Đỗ Đình Q (*bạn C biết về xe máy*) sang nhà bà ngoại C chơi. C nói vừa trộm được chiếc xe máy bên L và nhờ Q định giá xe. Q đồng ý và theo C sang phòng bên cạnh để xem xe thì thấy 01 chiếc SH màu

trắng biển kiểm soát 29V3-39967. Q xem xe xong thì C hỏi xe này không giấy tờ có bán được 25 đến 30 triệu không. Q trả lời là xe SH có giá trị cao nên vẫn được giá đó. Sau đó Q đi về nhà.

Đến tối ngày 16/09/2021, C gọi điện cho Dương Văn V nói có chiếc xe máy Honda Dream muốn bán. V đang ở xưởng và gọi điện thoại cho Hoàng Thế T1 bảo có con xe Dream cũ, có mua không. T1 bảo không có ở nhà, mang xe sang xưởng mộc của T1 để nhờ Lưu Đình Ch1 xem xe hộ, nếu lấy được thì T1 sẽ mua chuyển khoản. V báo lại C. C cùng D đi xe máy Honda Dream mới trộm cắp được đến trước xưởng mộc của T1 ở thôn P, xã T. V đi bộ ra gặp C và D. Lúc sau Ch1 đi bộ ra xem xe. Ch1 đi thử một vòng. Khi xem xe, Ch1 biết xe Honda Dream đã cũ, không biển số, không giấy tờ là tài sản do vi phạm pháp luật, có thể do trộm cắp mà có. Ch1 xem xe thấy máy chạy được nên điện thoại cho T1 nói xe máy lấy được. T1 nói lấy được thì để T1 mua chuyển khoản. Ch1 đưa điện thoại cho C nói chuyện với T1. C nói bán với giá 4.500.000đ. T1 đồng ý mua. C cho T1 số tài khoản ngân hàng BIDV, STK: 43110001257439, chủ tài khoản là Lê Thị H6. T1 chuyển khoản xong thông báo lại cho Ch1 biết. D và C để lại xe máy cho Ch1. Ch1 nhận xe máy Honda Dream rồi dắt vào xưởng mộc của T1 cất. C và D cùng ăn tiêu hết số tiền 4.500.000đ bán xe.

Khi về xưởng, T1 thấy chiếc xe máy Honda Dream để ở xưởng mộc của mình thì biết đó là xe máy mình đã mua tối ngày 16/9/2021. T1 thấy xe máy cũ, không có biển số, không có giấy tờ nên nhận thức được chiếc xe máy Honda Dream này là xe máy vi phạm pháp luật, có thể là xe trộm cắp được, việc mua bán xe máy này là bất hợp pháp nên cũng định chỉ sử dụng đi lại quanh xã.

Ngày 28/09/2021, Hội đồng định giá thường xuyên huyện Ph kết luận: Chiếc xe máy Honda SH 125i màu trắng đen, biển kiểm soát 29V3-39967, số khung 094884, số máy 0094946 tại thời điểm mất trộm là 61.700.000đ (*Sáu mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng*); chiếc xe Honda Dream, biển kiểm soát 29V3-08883, số khung 284709, số máy 1584747 là 7.700.000đ (*Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Vụ thứ sáu: Vào tối ngày 15/9/2021 D đi xe máy Honda Wave trắng (trộm cắp được ở vụ thứ tư) đến nhà bà ngoại C, trên đường đi thì gặp Đặng Quốc Đ. D và Đ đi chơi, sau đó D rủ Đ đi trộm cắp xe máy. Đ đồng ý. Chờ qua nửa đêm, sang ngày 16/9/2021, D chở Đ qua lán nhà D lấy chiếc kim cộng lực để vào bao tải, còn tua vít đã để trong cốp xe Wave trắng. Khi đến thôn K, xã T, huyện Ph phát hiện nhà anh Đỗ Văn H4 có chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ dựng ở sân. Đ dùng xe ngoài đường đối diện ngõ để cảnh giới, còn D trèo qua tường bao vào trong sân, Đ đưa kim cộng lực vào cho D. D thấy chiếc xe Honda Wave không khóa cổ, chỉ có khóa chữ U ở bánh sau. D dùng kim cộng lực cắt khóa chữ U rồi ra cắt khóa cổng, dắt xe ra ngoài. Đ lái xe, đạp chân đẩy D lái chiếc xe máy vừa trộm cắp được đến giấu ở bãi đất trống cạnh nghĩa trang liệt sỹ xã T. Khi này D nhớ để quên kim cộng lực nên Đ lại chở D quay lại nhà anh H4 để lấy kim cộng lực rồi quay lại chỗ giấu xe. D dùng tua vít tháo phá khóa điện, nổ máy đi về nhà bà ngoại C để lại xe Honda Wave trắng. D lái xe Honda Wave đỏ vừa trộm cắp chở Đ về nhà. Sáng hôm sau, D đi xe Honda Wave màu đỏ mua ổ khoá mới về thay, trên đường đi, D tháo vít bỏ biển số

29V1-64783, lắp biển số 29V3-40514 của xe Honda Wave trắng (trộm cắp được ở vụ thứ hai) vào và tháo bỏ yếm xe cất ở nhà D.

Ngày 28/9/2021, Hội đồng định giá thường xuyên huyện Ph kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, biển kiểm soát 29V1-64783, số khung 344885, số máy 1210789 tại thời điểm mất trộm là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Vụ thứ bảy: Vào tối ngày 18/9/2021, D đi xe máy Honda Wave đỏ (trộm cắp được ở vụ thứ sáu) rủ C đi trộm cắp. Chờ qua nửa đêm, sang ngày 19/9/2021, C chở D qua lán nhà D lấy chiếc kìm cộng lực để vào bao tải, còn tua vít đã để ở trong cốp xe Wave đỏ đi đến xã Tr, huyện Đ thấy nhà anh Bùi Văn Th có 03 chiếc xe máy dựng ở sân: 01 chiếc nhãn hiệu Honda Dream, 01 chiếc nhãn hiệu Honda wave màu xanh và 01 chiếc nhãn hiệu Honda SH màu đen. C đứng ở ngoài cổng cảnh giới còn D trèo tường vào thấy chìa khóa cổng treo trên tường gần cổng. D lấy chìa khóa mở cổng, thấy cả 3 chiếc xe máy đều không khóa cốp, khóa càng. D dắt xe Dream ra cổng, C vút lại kìm cộng lực sang vườn nhà đối diện (sau khi bị bắt C đã chỉ dẫn thu chiếc kìm cộng lực trên). C điều khiển xe máy đẩy D ngồi trên xe Dream ra cánh đồng cách khoảng 1km cất giấu rồi chở D quay lại lấy tiếp xe Wave xanh đẩy ra chỗ xe Dream cất giấu rồi lại quay lại lấy trộm tiếp xe SH đẩy ra chỗ cất xe Dream và xe Wave. D đấu lại điện xe Dream và xe Wave xanh nổ máy đi về nhà bà ngoại C cất giấu (trên đường đi, D tháo vút bỏ biển số xe Dream và xe Wave xanh) còn xe SH không đấu điện, không nổ máy được nên đẩy xe về khu đất trống cạnh nghĩa trang xã T cất giấu. Đến sáng, D mua ổ khoá mới thay ổ khoá xe Wave xanh và tháo yếm xe Honda Dream mang về nhà D cất.

Sáng ngày 19/9/2021, C gọi điện cho Đỗ Đình Q hỏi xe máy SH biển 4 số là hàng nhập hay hàng Việt. Q trả lời biển số không biết được, phải xem xe mới biết. Q hỏi C “mới trộm được con nữa à”, C trả lời “ừ” rồi cả hai không nói chuyện gì nữa.

Đến trưa ngày 19/9/2021, C lắp biển 29V3-39967 của xe SH (trộm cắp được ở vụ thứ năm) vào xe Wave xanh và cầm cho Phí Văn Nh1 được 4.000.000đ. Khi nhận cầm xe máy Honda Wave xanh của C thì Nh1 nhận thức được chiếc xe máy này là xe vi phạm pháp luật, có thể là xe do trộm cắp mà có vì Nh1 biết C không có C việc, thu nhập, C là thành phần chơi bời, trước đó Nh1 không thấy C hay người nhà C sở hữu, sử dụng chiếc xe máy trên. Do đó sau khi nhận cầm chiếc xe máy trên, Nh1 chỉ để xe máy ở nhà không dám lấy ra sử dụng. C sau khi nhận được tiền cầm xe thì chia cho D 1.000.000đ, số tiền còn lại C và D cùng ăn tiêu hết.

Ngày 28/09/2021, Hội đồng định giá thường xuyên huyện Ph kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát 29H8-9728, số khung 076522, số máy 0076513 tại thời điểm mất trộm là 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda wave màu xanh biển kiểm soát 29X3-14133, số khung 045088, số máy 5045294 trị giá 11.000.000đ (Mười một triệu đồng). Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đen biển kiểm soát 30N1-6461, số khung 006540, số máy 5006667 trị giá là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 25/02/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội truy tố Tạ Xuân D và Phí Văn C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Đặng Quốc Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự, Dương Văn V, Hoàng Thế T1 và Lưu Đình Ch1 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự; Dương Thế H1 và Phí Văn Nh1 về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự và Đỗ Đình Q về tội “*Không tố giác tội phạm*” theo khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ thực hành quyền C tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Tạ Xuân D 05-06 năm tù, Phí Văn C 04-05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đặng Quốc Đ 06-09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Dương Thế H1 06-09 tháng tù về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Dương Văn V 09-12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phí Văn Nh1 06-09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Thế T1 và Lưu Đình Ch1, mỗi bị cáo 06-09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đỗ Đình Q 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Không tố giác tội phạm.

Không phạt các bị cáo hình phạt bổ sung.

Truy thu của Tạ Xuân D và Phí Văn C, mỗi bị cáo số tiền 8.850.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của Phí Văn C hoàn trả cho anh Trịnh Duy L2 số tiền 4.500.000đồng. Buộc anh Trịnh Duy L2 phải hoàn trả cho anh Đỗ Văn Th7 số tiền 4.500.000đồng.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phúc Thọ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai: Chiều ngày 28/6/2021, Tạ Xuân D rủ Phí Văn C đi trộm cắp tài sản. Qua nửa đêm, sang ngày 29/06/2021, C chở D bằng xe máy mang theo kìm cộng lực đến cửa hàng bán điện thoại di động Hoàng Hà mobile thuộc thôn P, xã L, huyện Ph. C đứng ngoài đường canh giới. D dùng kìm cộng lực cắt đứt tay của 02 ổ khoá cửa lấy trộm 01 chiếc máy tính bảng Apple Ipad 2 màu trắng bạc 32 GB đã cũ; 01 điện thoại di động Realme C11 nguyên hộp; 01 điện thoại di động Vsmart star 4 nguyên hộp. C giữ lại chiếc Apple Ipad 2 để sử dụng. C cho mẹ đẻ là bà Phí Thị Hương chiếc điện thoại di động Realme C11 nói dối là mới mua. Chiếc điện thoại di động Vsmart star 4 C bán cho anh Bùi Văn Th4 với giá 1.000.000đồng nói dối là điện thoại của C. C và D cùng ăn tiêu hết số tiền 1.000.000đồng.

Vào tối ngày 09/9/2021, D rủ C đi trộm cắp tài sản. Qua nửa đêm, sang ngày 10/9/2021, C chở D bằng xe máy mang theo kìm cộng lực và chiếc tua vít để trong bao tải ôm ngồi sau đến nhà anh Đoàn Văn T3 ở thôn B, xã V, huyện Ph. C đứng ngoài đường trước cổng cảnh giới còn D trèo tường vào trong sân, thấy 01 xe máy Honda Wave màu trắng đen bạc không khóa cổ, khóa càng, cổng chỉ cài then, không khóa nên D mở cổng dắt xe máy ra ngoài rồi C đi xe máy đẩy D lái xe máy vừa trộm được về nhà bà ngoại C để cất giấu (cả nhà bà ngoại C đi làm ăn xa từ nhiều năm, C thỉnh thoảng qua trông nhà cho bà). Hôm sau, D mua ổ khóa điện mới thay ổ khóa xe máy trộm cắp được và sử dụng làm phương tiện đi lại. Trưa ngày 14/9/2021, C biết Dương Thế H1 là bạn bè xã hội cùng làng có nhu cầu mua xe máy cũ nên gọi điện cho H1. H1 hẹn ra đê P, xã T, huyện Ph xem xe. C và D tháo biển kiểm soát xe Honda Wave trắng vừa trộm được vít tại nhà bà ngoại C rồi đem xe lên đê P cho H1 xem xe. H1 xem xe thấy không có biển số, không có giấy đăng ký xe, biết xe máy này là xe vi phạm pháp luật, có thể là xe trộm cắp mà có nên H1 không mua. C nói không mua thì cho C cầm lấy 4.000.000đồng thì H1 lại đồng ý. C cho H1 số tài khoản ngân hàng BIDV, STK: 43110001257439, chủ tài khoản Lê Thị H6 (là vợ chưa cưới của C). H1 nhờ anh Dương Xuân Th5 chuyển khoản số tiền 4.000.000đồng cho C. C và D cùng ăn tiêu hết số tiền 4.000.000đồng. H1 mang xe máy về nhà cất, do nhận thức xe máy này là xe vi phạm pháp luật nên H1 chỉ để ở nhà mà không sử dụng.

Vào tối ngày 11/9/2021, D rủ C đi trộm cắp. Qua nửa đêm, sang ngày 12/9/2021, C chở D mang theo kìm còng lực để vào bao tải, còn tua vít đã để trong cốp xe máy đến xã H, huyện Đ thấy trong sân nhà bà Hà Thị Th2 có 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu. C đứng trên đê cảnh giới, còn D cầm kìm còng lực và tua vít trèo tường bao vào trong sân, thấy xe máy khóa điện nên D dùng tua vít tháo bỏ bao diêm điện xe máy, dùng kìm còng lực cắt khóa còng, dắt xe máy ra ngoài, đập nổ máy về nhà bà ngoại của C cất giấu. Đến sáng, D đi mua ổ khoá mới về thay ổ khoá xe Dream trộm cắp được. Tối ngày 12/9/2021, C đi xe máy Honda Dream này đến nhà Dương Văn V để vay tiền nhưng V không cho vay. C hỏi V xem có ai mua thì bán chiếc xe Dream trên. V gọi điện cho Hoàng Thế T1. Trước đây, T1 và V làm cùng xưởng mộc của Lưu Đình Ch1 nên quen biết nhau và thông qua Ch1, V biết T1 đang có nhu cầu mua xe máy cũ. T1 bảo mang xe ra xưởng mộc để xem. C gọi điện cho Đỗ Đình Q (bạn C) bảo đi cùng C để sau khi bán xe xong thì chở C về. Q đi xe Honda Wave xanh ra chỗ C. Tại đây, C tháo bỏ biển số 29X3-31233 của xe Dream để vào cốp xe Wave xanh rồi cùng V, Q đi ra xưởng của T1. T1 xem xe và gọi điện cho Lưu Đình Ch1 ra xem hộ. Ch1 thấy xe không biển số, không giấy tờ nên nhận thức là xe bất hợp pháp. Ch1 đi thử và nói xe máy xấu và yếu quá. T1 trả giá 3.000.000đồng. C đòi 4.000.000đồng. Do không thoả thuận được giá nên việc mua bán không thành. Trên đường về, C bảo V cho cầm xe máy Honda Dream. V nhận thức được xe máy này là xe vi phạm pháp luật nên không mua. Sáng ngày 13/9/2021, C tiếp tục nài nỉ V cho vay tiền. V không cho vay. C nói bán cho V xe máy Dream thì V lại đồng ý. C bán cho V giá 3.700.000đồng. C cho số tài khoản ngân hàng MB, STK: 8330115490008, chủ tài khoản là Dương Quang Th6 (*kinh doanh dịch vụ chuyển tiền*). V nhờ anh Nguyễn Văn T4 chuyển khoản 3.700.000đồng đến số tài khoản C cho. C và D đến cửa hàng của anh Th6 rút số tiền 3.700.000đồng và cùng ăn tiêu hết. V nhận thức xe máy Honda Dream mua của C là xe vi phạm pháp luật nên mang về nhà và cất ở chuồng lợn, không nói với ai, không sử dụng đi lại.

Vào tối ngày 13/9/2021 D rủ C đi trộm cắp. Chờ qua nửa đêm, sang ngày 14/9/2021, C chở D mang theo kìm còng lực để vào bao tải, còn tua vít đã để ở trong cốp xe máy đến xã T, huyện Đ, thấy trong sân nhà ông Lê Văn Th1 để 01 xe máy Honda Wave màu trắng. C đứng ngoài cảnh giới, còn D thấy cổng đóng then chốt nhưng không khóa liền mở cổng vào sân thấy xe không khóa cổ, khóa còng thì dắt luôn ra ngoài. C đi xe đẩy D lái chiếc xe máy vừa trộm cắp được ra ngoài cánh đồng. D lấy tua vít tháo bao diêm điện đầu lại dây điện và tháo vít bỏ biển số rồi nổ máy phóng về nhà bà ngoại C cất giấu. Đến sáng, D đi mua ổ khoá mới thay ổ khoá xe Honda Wave vừa trộm cắp được, lắp biển số 29X3-31233 của xe Dream (trộm cắp ngày 12/9/2021) vào và sử dụng. Trưa ngày 18/9/2021, C nhờ anh Trịnh Duy L2 (*là bạn*) cầm hộ chiếc xe máy này (*C nói dối xe máy của C, giấy tờ xe máy bố C cầm*). L2 đồng ý và đến cầm cho anh Đỗ Văn Th7 với số tiền 4.500.000đồng. L2 đưa cho C 4.500.000đ, L2 không được ăn chia, hưởng lợi gì, không biết việc trộm cắp tài sản của C. C chia cho D 400.000đồng, số tiền còn lại, C và D cùng ăn tiêu hết.

Vào tối ngày 14/9/2021, D đi xe máy Honda Wave trắng (trộm cắp ngày 14/9/2021) rủ C đi trộm cắp. Chờ qua nửa đêm, sang ngày 15/9/2021, C chở D

mang theo kìm còng lực để vào bao tải, còn tua vít vẫn để ở trong cốp xe Wave trắng đến xã L, huyện Ph phát hiện trong sân nhà anh Vũ Mạnh D3 có chiếc xe máy Honda SH 125i màu trắng đen và chiếc xe Honda Dream. C dùng xe ở ngoài cổng cảnh giới, còn D trèo qua tường, thấy xe SH không khóa cổ, khóa càng còn xe Dream vẫn cắm chìa khóa ở ổ khóa xe. D dùng kìm còng lực cắt phá khóa mở cổng, dắt xe Dream ra ngoài, nổ máy đi ra cánh đồng gần đó giấu rồi quay lại nhà anh D dắt xe SH trắng ra cổng. C đẩy D lái chiếc xe SH đến khu bãi đất trống gần Nghĩa trang xã T, huyện Ph cất giấu rồi ra chỗ giấu xe Dream mang về nhà bà ngoại C cất giấu, trên đường đi, D tháo biển số xe Dream vứt bỏ. C chở D ra nghĩa trang xã Thượng Cốc đẩy xe SH về nhà bà ngoại C cất giấu. Chiều ngày 16/9/2021, Đỗ Đình Q (*bạn C biết về xe máy*) sang nhà bà ngoại C chơi. C nói vừa trộm được chiếc xe máy bên xã L và nhờ Q định giá xe. Q đồng ý và theo C sang phòng bên cạnh để xem xe thì thấy 01 chiếc SH màu trắng biển kiểm soát 29V3-39967. Q xem xe xong thì C hỏi xe này không giấy tờ có bán được 25 đến 30 triệu không. Q trả lời là xe SH có giá trị cao nên vẫn được giá đó. Sau đó Q đi về nhà. Tối ngày 16/9/2021, C gọi điện cho Dương Văn V nói có chiếc xe máy Honda Dream muốn bán. V đang ở xưởng và gọi điện cho Hoàng Thế T1 bảo có con xe Dream cũ, có mua không. T1 bảo không có ở nhà, mang xe sang xưởng mộc của T1 để nhờ Lưu Đình Ch1 xem hộ, nếu lấy được thì T1 sẽ mua chuyển khoản. V báo lại C. C cùng D đi xe máy Honda Dream mới trộm cắp được đến trước xưởng mộc của T1 ở thôn P, xã T. V đi bộ ra gặp C và D. Lúc sau Ch1 đi bộ ra xem xe và đi thử một vòng. Khi xem xe, Ch1 biết xe Honda Dream đã cũ, không biển số, không giấy tờ là tài sản do vi phạm pháp luật, có thể do trộm cắp mà có. Ch1 xem xe thấy máy chạy được nên điện thoại cho T1 nói xe máy lấy được. T1 nói lấy được thì để T1 mua chuyển khoản. Ch1 đưa điện thoại cho C nói chuyện với T1. C nói bán với giá 4.500.000đồng. T1 đồng ý mua. C cho T1 số tài khoản ngân hàng BIDV, STK: 43110001257439, chủ tài khoản là Lê Thị H6. T1 chuyển khoản xong thông báo lại cho Ch1 biết. D và C để lại xe máy cho Ch1. Ch1 nhận xe rồi dắt vào xưởng mộc của T1 cất. C và D cùng ăn tiêu hết số tiền 4.500.000đồng bán xe. Khi về xưởng, T1 thấy chiếc xe máy Honda Dream để ở xưởng mộc của mình thì biết đó là xe máy mình đã mua tối ngày 16/9/2021. T1 thấy xe máy cũ, không có biển số, không có giấy tờ nên nhận thức được là xe máy vi phạm pháp luật, có thể là xe trộm cắp, việc mua bán xe máy này là bất hợp pháp nên cũng định chỉ sử dụng đi lại quanh xã.

Vào tối ngày 15/9/2021, D đi xe máy Honda Wave trắng (trộm cắp được ngày 14/9/2021) đến nhà bà ngoại C, trên đường đi thì gặp Đặng Quốc Đ. D và Đ đi chơi, sau đó D rủ Đ đi trộm cắp xe máy. Đ đồng ý. Chờ qua nửa đêm, đến khoảng 02h00' ngày 16/09/2021, D chở Đ mang theo kìm còng lực để vào bao tải, còn tua vít đã để trong cốp xe Wave trắng đến thôn K, xã T, huyện Ph phát hiện trong sân nhà anh Đỗ Văn H4 có 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ. Đ đứng ngoài đường đối diện ngõ để cảnh giới, còn D trèo qua tường bao vào trong sân, thấy xe máy không khóa cổ, chỉ có khóa chữ U khóa bánh sau. D dùng kìm còng lực cắt khóa chữ U rồi ra cắt khóa cổng, dắt xe ra ngoài. Đ lái xe đẩy D lái chiếc xe máy vừa trộm cắp được đến giấu ở bãi đất trống cạnh nghĩa trang liệt sỹ xã T. Khi này D nhớ để quên kìm còng lực nên Đ chở D quay lại để

lấy kim cộng lực rồi quay lại chỗ giấu xe. D dùng tua vít tháo phá khóa điện, nổ máy đi về nhà bà ngoại C để lại xe Honda Wave trắng. D lái xe Honda Wave đỏ chở Đ về nhà. Sáng hôm sau, D đi xe Honda Wave màu đỏ mua ổ khoá mới về thay, trên đường đi, D tháo vít bỏ biển số 29V1-64783, lắp biển số 29V3-40514 của xe Honda Wave trắng (trộm cắp ngày 10/9/2021) vào và tháo bỏ yếm xe cát ở nhà D.

Vào tối ngày 18/9/2021, D đi xe máy Honda Wave đỏ (trộm cắp ngày 16/9/2021) rủ C đi trộm cắp. Chờ qua nửa đêm, sang ngày 19/9/2021, C chở D mang theo kim cộng lực để vào bao tải, còn tua vít đã để ở trong cốp xe Wave đỏ đi đến xã T, huyện Đ thấy nhà anh Bùi Văn Th có 03 chiếc xe máy dựng ở sân: 01 chiếc nhãn hiệu Honda Dream, 01 chiếc nhãn hiệu Honda wave màu xanh và 01 chiếc nhãn hiệu Honda SH màu đen. C đứng ở ngoài cổng cảnh giới còn D trèo tường vào thấy chìa khóa cổng treo trên tường gần cổng. D mở khóa cổng, thấy 03 chiếc xe máy đều không khóa cổ, khóa càng. D dắt xe Dream ra cổng. C điều khiển xe máy đẩy D ngồi trên xe Dream ra cánh đồng cách khoảng 1km cất giấu rồi chở D quay lại lấy tiếp xe Wave xanh đẩy ra chỗ xe Dream cất giấu rồi lại quay lại lấy xe SH đẩy ra chỗ cất xe Dream và xe Wave. D đấu lại điện xe Dream và xe Wave xanh nổ máy đi về nhà bà ngoại C cất giấu (trên đường đi, D tháo vít bỏ biển số xe Dream và xe Wave xanh) còn xe SH không đấu điện, không nổ máy được nên đẩy xe về khu đất trống cạnh nghĩa trang xã T cất giấu. Đến sáng, D mua ổ khoá mới thay ổ khoá xe Wave xanh và tháo yếm xe Honda Dream mang về nhà D cất. Sáng ngày 19/9/2021, C gọi điện cho Đỗ Đình Q hỏi xe máy SH biển 4 số là hàng nhập hay hàng Việt. Q trả lời biển số không biết được, phải xem xe mới biết. Q hỏi C “mới trộm được con nữa à”, C trả lời “ừ” rồi cả hai không nói chuyện gì nữa. Đến trưa ngày 19/9/2021, C lắp biển 29V3-39967 của xe SH (trộm cắp ngày 15/9/2021) vào xe Wave xanh và cầm cho Phí Văn Nh1 được 4.000.000đồng. Khi nhận cầm xe máy Honda Wave xanh của C thì Nh1 nhận thức được chiếc xe máy này là xe vi phạm pháp luật, có thể là xe do trộm cắp mà có vì Nh1 biết C không có C việc, thu nhập, C là thành phần chơi bời, trước đó Nh1 không thấy C hay người nhà C sở hữu, sử dụng chiếc xe máy trên. Do đó sau khi nhận cầm chiếc xe máy trên, Nh1 chỉ để xe máy ở nhà không dám lấy ra sử dụng. Tiền cầm xe, C chia cho D 1.000.000đồng, số tiền còn lại C và D cùng ăn tiêu hết.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người liên quan cùng các tài liệu, vật chứng của vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 19/6/2021 đến ngày 19/9/2021, Tạ Xuân D, Phí Văn C và Đặng Quốc Đ đã thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn các xã thuộc huyện Ph và huyện Đ, thành phố Hà Nội với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 181.700.000đ (*Một trăm tám mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng*), trong đó: Phí Văn C và Tạ Xuân D trộm cắp 06 vụ, mỗi vụ trị giá tài sản chiếm đoạt đều từ 2.000.000đồng trở lên, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 175.400.000đ (*Một trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*), Đặng Quốc Đ và Tạ Xuân D trộm cắp 01 vụ với trị giá tài sản chiếm đoạt là 6.300.000đ (*Sáu triệu ba trăm nghìn đồng*).

Sau khi trộm cắp được tài sản, D và C đem bán và cầm cố cho Dương Văn V, Hoàng Thế T1, Lưu Đình Ch1, Dương Thế H1 và Phí Văn Nh1, những người

này biết rõ tài sản do phạm tội mà có nhưng vì tư lợi vẫn mua và nhận cầm cố, cụ thể:

Ngày 13/9/2021, Dương Văn V đã có hành vi mua xe máy do C và D trộm cắp mà có và ngày 16/09/2021, V có hành vi giúp sức cho Hoàng Thế T1 mua xe máy do C và D trộm cắp mà có.

Ngày 14/9/2021, Dương Thế H1 đã có hành vi cầm cố xe máy do C và D trộm cắp mà có.

Ngày 16/9/2021, Hoàng Thế T1 đã có hành vi mua xe máy do C và D trộm cắp mà có.

Ngày 16/9/2021, Lưu Đình Ch1 đã có hành vi giúp sức cho Hoàng Thế T1 mua xe máy do C và D trộm cắp mà có.

Ngày 19/9/2021 Phí Văn Nh1 đã có hành vi nhận cầm cố xe máy do C và D trộm cắp mà có.

Đối với Đỗ Đình Q, ngày 16/9/2021 biết rõ chiếc xe máy Honda SH, màu trắng trị giá 61.700.000đồng do Phí Văn C trộm cắp tại xã L, huyện Ph, mang về cất giấu tại nhà bà ngoại C thuộc thôn 2, xã N và ngày 19/9/2021, biết rõ chiếc xe máy Honda SH, màu đen trị giá 50.000.000đồng do Phí Văn C trộm cắp sau đó cất giấu tại khu bãi đất trống cạnh nghĩa trang xã T, huyện Ph nhưng Q không tố giác hành vi phạm tội của C đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn: Hành vi của Tạ Xuân D, Phí Văn C và Đặng Quốc Đ đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự; tổng trị giá tài sản C và D chiếm đoạt là 175.400.000đồng đã phạm vào điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; hành vi của Dương Văn V, Hoàng Thế T1 và Lưu Đình Ch1 đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự; hành vi của Đỗ Đình Q đủ yếu tố cấu thành tội Không tố giác tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 390 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố các bị cáo về tội danh trên là có căn cứ.

Đối với các bị cáo Dương Thế H1 và Phí Văn Nh1 có hành vi nhận cầm cố xe máy do Tạ Xuân D và Phí Văn C trộm cắp mà có và đưa tiền cho C. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, C đều khai: Nói là cầm cố xe máy cho Nh1 và H1 nhưng mục đích của C là chỉ cần có được tiền và ăn tiêu hết, không có ý định chuộc lại xe máy cầm cố mà bỏ luôn và thực tế diễn biến của vụ án đã diễn ra đúng như vậy. Cả H1 và Nh1 tại phiên tòa đều khai, nếu hết thời hạn thỏa thuận cầm cố xe máy mà C không trả tiền và lấy lại xe thì H1 và Nh1 đều sẽ xử lý xe mà C cầm cố. Do vậy, cả về phương diện lý luận và thực tiễn thì hành vi của H1 và Nh1 cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có phù hợp hơn tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có mà Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên, 2 tội này cùng được quy định trong 1 Điều luật nên căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án xét xử các bị cáo Dương Thế H1 và Phí Văn Nh1 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội. Vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên cần đánh giá

vai trò của từng bị cáo, cá thể hóa trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt tương xứng.

Đối với nhóm các bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự xã hội. Các bị cáo D và C đều phạm tội 2 lần trở lên, trị giá tài sản chiếm đoạt trên 100 triệu đồng, bị cáo Đ trộm cắp 1 vụ, trị giá tài sản 6.300.000đ nhưng có nhân thân xấu là người nghiện chất ma túy và đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục. Bị cáo D là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện tất cả các vụ trộm cắp, là người thực hiện nhiều lần trộm cắp nhất nên phạt mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Tòa án cũng xem xét: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, bị cáo Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt.

Nhóm các bị cáo phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đã xâm phạm trật tự C cộng, gây khó khăn cho các cơ quan bảo vệ pháp luật trong điều tra hình sự. Bị cáo phạm tội Không tố giác tội phạm đã xâm phạm hoạt động tư pháp.

Bị cáo H1 có nhân thân xấu: Bản án số 334/2015/ HSST ngày 15/9/2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 8 năm tù về tội Cướp tài sản. Tháng 11/2020 ra tù, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự nên cần áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Tòa án cũng xem xét bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt.

Bị cáo V và Q phạm tội 2 lần trở lên nhưng các lần phạm tội đều đơn giản, ít nghiêm trọng. Các bị cáo Nh1, T1 và Ch1 đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nhóm các bị cáo này đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội, cho hưởng lương khoan hồng của nhà nước cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, phòng ngừa và không khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Tổng số tiền Phí Vãn C và Tạ Xuân D bán và cầm cố tài sản trộm cắp là 17.700.000đồng và cả 2 cùng ăn tiêu hết, nên buộc C và D mỗi người phải nộp lại số tiền 8.850.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không ai yêu cầu bồi thường gì khác nên Tòa án không xem xét.

Anh Đỗ Văn Th7 yêu cầu anh Trịnh Duy L2 phải hoàn trả cho anh Th7 số tiền 4.500.000đồng. Anh L2 đồng ý và yêu cầu Phí Văn C hoàn trả cho anh L2 số tiền 4.500.000đồng để anh Linh lấy số tiền này trả lại cho anh Th7. Bị cáo C đồng ý. Xét thấy yêu cầu của anh Th7 và anh L2 là có căn cứ; người yêu cầu và người bị yêu cầu hoàn tự nguyện thỏa thuận được với nhau về số tiền hoàn trả nên chấp nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) chiếc tua vít dài 19 cm, mũi bằng kim loại, chuôi bằng cao su màu đỏ đen và 01 (một) chiếc kìm cộng lực bằng kim loại, dài khoảng 90 cm là C cụ phạm tội, nên tịch thu, tiêu hủy.

[7]. Đối với anh Bùi Văn Th4 là người đã mua chiếc điện thoại di động Vsmart star 4 mà Phí Văn C và Tạ Xuân D trộm cắp. Khi bán điện thoại cho anh Th4, C nói dối là điện thoại của C nên anh Th4 tin tưởng, không biết tài sản này là do trộm cắp mà có. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với anh Th4.

[8]. Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo về mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với bà Phí Thị H là mẹ đẻ của Phí Văn C, được C cho chiếc điện thoại di động Realme C11 mà Phí Văn C và Tạ Xuân D trộm cắp. Khi C cho bà H chiếc điện thoại thì C nói dối là điện thoại C mới mua nên bà H tin tưởng, không biết tài sản này do trộm cắp mà có. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với bà H.

Đối với anh Trịnh Duy L2 là người được Phí Văn C nhờ đi cầm hộ chiếc xe máy Honda Wave trắng do C và D trộm cắp. Khi C nhờ anh L2 đi cầm hộ xe thì C nói dối là xe của C, giấy tờ xe bố C cầm, C đi cầm xe để lấy tiền cho vợ đi đẻ nên anh L2 tin tưởng và không biết tài sản này là do trộm cắp mà có. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với anh L2.

Đối với anh Đỗ Văn Th7 là người được Công anh Trịnh Duy L2 cầm chiếc xe máy Honda Wave trắng do C và D trộm cắp được. Khi anh L2 cầm xe máy, anh Th7 có hỏi nguồn gốc, giấy tờ xe. Anh L2 nói xe máy của cháu, giấy tờ xe bố cháu cầm nên anh Th7 không biết tài sản này là do trộm cắp mà có. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với anh Th7.

Đối với anh Dương Xuân Th5, chị Lê Thị H6, chị Dương Thị Hương L3, anh Dương Quang Th6 và anh Nguyễn Văn T4, kết quả điều tra xác định những người này không biết gì về việc trộm cắp tài sản, việc tiêu thụ tài sản trộm cắp, không tham gia, giúp đỡ hay được ăn chia, hưởng lợi gì từ những việc trên. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với họ.

[9]. Về án phí: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự

1.1. Xử phạt: Tạ Xuân D 05 (*năm*) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/9/2021.

1.2. Xử phạt: Phí Văn C 04 (*bốn*) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/9/2021.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Đặng Quốc Đ 08 (*tám*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 21/9/2021 đến ngày 30/9/2021.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Dương Thế H1 09 (*chín*) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s (2 tình tiết) khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Dương Văn V 09 (*chín*) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày 16/6/2022.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự

5.1. Xử phạt: Phí Văn Nh1 18 (*mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện Ph, thành phố Hà Nội nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

5.2. Xử phạt: Hoàng Thế T1 18 (*mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ph, thành phố Hà Nội nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

5.3. Xử phạt: Lưu Đình Ch1 15 (*mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ph, thành phố Hà Nội nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 390; điểm s (2 tình tiết) khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Đỗ Đình Q 09 (*chín*) tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày 16/6/2022.

Giao Dương Văn V và Đỗ Đình Q cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Ph, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp

người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao Phí Văn Nh1 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Ph, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Giao Hoàng Thế T1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ph, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Giao Lưu Đình Ch1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ph, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

7. Truy thu của Phí Văn C và Tạ Xuân D, mỗi người 8.850.000đ (*tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) sung quỹ Nhà nước.

8. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Phí Văn C phải hoàn trả cho anh Trịnh Duy L2 số tiền 4.500.000đ (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). Buộc Công anh Trịnh Duy L2 phải hoàn trả cho ông Đỗ Văn Th7 số tiền 4.500.000đ (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

9. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc tua vít dài 19 cm, mũi bằng kim loại, chuôi bằng cao su màu đỏ đen và 01 (một) chiếc kim cộng lực bằng kim loại, dài khoảng 90 cm. (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Ph với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph ngày 09/3/2022)

10. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

11. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo Tạ Xuân D, Đặng Quốc Đ, Dương Thế H1, Dương Văn V, Đỗ Đình Q, Phí Văn Nh1, Hoàng Thế T1 và Lưu Đình Ch1 phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Phí Văn C phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và

300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự. Anh Trịnh Duy L2 phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

12. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Hiếu